TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2026/DS-PT
Ngày: 12/3/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Phú Thọ

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Ông Nguyễn Lê Huy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 12 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 786/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 786/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1955;

2. Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1992; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, phường M, Thành phố Cần Thơ.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Văn L; Bị đơn Lê Văn Đ, Nguyễn Thị Bích V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Ngày 03/4/2020, tôi có cho ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V, ông Lê Khánh V1 và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Khi vay chúng tôi có làm "Giấy mượn tiền", ông Đ, bà V, ông V1 và bà H đều có ký tên vào biên nhận. Tôi đã giao đủ số tiền 500.000.000 đồng và ông Đ, bà V, ông V1 và bà H đã nhận đủ số tiền nêu trên.

Ngày 04/01/2025, ông Lê Khánh V1 chết. Sau khi ông V1 chết, tôi có yêu cầu ông Đ, bà V và bà H trả lại số tiền đã vay cho tôi nhưng các ông bà nêu trên chưa trả. Tôi được biết những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V1 là ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V và bà Nguyễn Thị H. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V và bà Nguyễn Thị H trả cho tôi số tiền 500.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Ông Nguyễn Văn L1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:*

Ông Đ, bà V đồng ý cùng với bà H liên đới trả số tiền vay cho ông L 500.000.000 đồng. Số tiền vay này trước đây do ông V1 vay mượn dùng vào mục đích cá nhân, ông Đ và bà V chỉ ký tên, không nhận tiền trực tiếp.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Tôi và ông Lê Khánh V1 là vợ chồng, sau khi chồng tôi mất (tháng 01/2025) đến 49 ngày (ngày 23/02/2025) thì ba mẹ chồng (ông Đ, bà V), cậu chồng (ông L) yêu cầu tôi lên nhà ký xác nhận nợ vào biên nhận nợ trước đó chồng tôi vay mượn của ông L (theo nội dung biên nhận thì chồng và ba mẹ chồng mượn tiền ông L vào năm 2020). Thực chất lúc chồng tôi và ba mẹ chồng tôi mượn nợ ông L tôi không hay biết, không trực tiếp nhận tiền cũng không nghe chồng tôi thông báo lại về số tiền nợ, bởi chồng tôi làm ăn mua bán riêng, tôi làm công việc riêng. Nay ông L khởi kiện yêu cầu tôi cùng ba mẹ chồng phải liên đới trả nợ cho ông L số tiền 500.000.000 đồng tôi không đồng ý vì tôi không có vay mượn, tôi cũng không biết khi chồng tôi còn sống có vay số nợ trên của ông L hay không nhưng không nghe chồng tôi nói lại, tôi cũng không trực tiếp nhận số tiền nào từ ông L.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 288, 357, 463, 466 468 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

Buộc ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền vay (theo giấy mượn tiền ngày 03/4/2020) là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Khánh V1 và liên đới cùng ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V trả tiền nợ vay cho ông Nguyễn Văn L.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 12/8/2025, nguyên đơn Nguyễn Văn L, bị đơn Lê Văn Đ, Nguyễn Thị Bích V có đơn kháng cáo bán án dân sự sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp với nội dung:

Ông Đ và bà V yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc buộc ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V trả cho ông L số tiền 500.000.000 đồng mà phải buộc những người thuộc hàng thừa kế của anh Lê Khánh V1 thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại liên quan đến khoản vay của anh V1 số tiền 500.000.000 đồng gồm ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V và chị Nguyễn Thị H.

Ông Nguyễn Văn L yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc buộc ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho ông L số tiền 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu ông Đ, bà V và chị H liên đới trả cho ông L số tiền 500.000.000 đồng.

- Anh L1 đại diện của ông Đ và bà V trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc yêu cầu ông Đ, bà V trả số tiền 500.000.000 đồng; mà chị H phải có nghĩa vụ trả cho ông L2 số tiền 500.000.000 đồng.

Chị H không đồng yêu cầu kháng cáo của ông L, ông Đ, bà V và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử đình xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông L, ông Đ, bà V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn L, ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Bích V, bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho ông L số tiền vốn vay 500.000.000 đồng;

Ông Nguyễn Văn L1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Văn Đ, Nguyễn Thị Bích V đồng ý theo yêu cầu của ông L, đồng ý liên đới cùng bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ cho ông L. Bà Nguyễn Thị H không đồng ý cùng ông Đ, bà V trả tiền nợ cho ông L.

Xét thấy, ông Long cung C bản chính viết tay "GIẤY MƯỢN TIỀN" có nội dung *"Nguyễn Văn L Ấp M - L – CL – TG Hôm nay ông L có cho ông Lê Văn Đ, mượn số tiền: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Thời hạn: vô hạn. Nếu trong thời gian cho mượn ông L cần số tiền thì báo trước cho ông Đ 1 tháng. 3 tháng đưa tiền lời 1 lần. Hôm nay là ngày 3 tháng 4 năm 2020".* Bên dưới giấy mượn tiền ghi Bên A là Nguyễn Văn L, Bên B là Lê Văn Đ, dưới chữ ký tên ông Đ là chữ ký và tên bà Nguyễn Thị Bích V và con Lê Khánh V1. Ông L trình bày số tiền này ông cho ông Khánh V1 vay để làm ăn, nhưng do thời điểm này ông Khánh V1 chưa có tài sản riêng, nên ông L mới yêu cầu ông Đ đứng ra vay số tiền này dùm cho ông Khánh V1. Do ông Lê Khánh V1 chết ông L có yêu cầu bà V, ông Đ trả tiền nhưng không trả, sau đó ông có yêu cầu bà Nguyễn Thị H – vợ ông Lê Khánh V1 ký tên vào biên nhận mục đích để bà H trả nợ thay cho ông V1.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông L trình bày: Lúc đầu anh V1 hỏi vay tiền của ông nhưng ông không đồng ý. Sau đó ông Đ hỏi vay tiền của ông thì ông L mới đồng ý cho vay; ông L cũng xác định tại thời điểm cho vay không có mặt bà H, bà H không nhận số tiền vay, không ký tên vào biên nhận vay tại thời điểm lập giấy mượn tiền. Sau khi ông V1 chết khoảng 49 ngày thì ông L mới yêu cầu bà H ký tên vào giấy mượn tiền, mục đích để bà H biết là ông Đ có mượn tiền của ông L.

Phía ông L1 trình bày: số tiền nợ này do ông Đ, bà V đứng ra vay tiền dùm con ruột là ông Khánh V1, mục đích để ông V1 dùng vào việc kinh doanh sầu

riêng và bản thân ông Khánh V1 khi đó không có tài sản để đảm bảo nên ông L mới yêu cầu ông Đ đứng ra vay tiền và làm giấy nợ. Đối với ý kiến này của ông L1 là không phù hợp. Bởi vì, nội dung thể hiện trong giấy mượn tiền là "cho ông Lê Văn Đ mượn". Đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm ông L cũng xác định ông L cho ông Đ vay nhưng vay dùm cho con. Ông L1 có bổ sung tài liệu chứng cứ là "Giấy xác nhận" của những người làm chứng gồm: bà Trần Thị Bích V2 (vợ ông L), Nguyễn Thị Kim N (con ông L), Lê Văn X (em ruột ông Đ), Lê Trúc G, Lê Phước T (con ông Đ)…. là những người họ hàng với ông Đ, bà V2 và ông L. Sau khi ông V1 chết giữa bà H và gia đình ông V1 phát sinh tranh chấp chia di sản thừa kế của ông V1; Nên việc những người này có văn bản làm chứng không đảm bảo tính khách quan. Mặt khác, tại thời điểm lập giấy mượn tiền thì ông Khánh V1 và bà H cũng không chung hộ với ông Đ và do ông Khánh V1 đã chết, ông L không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh số tiền nợ do ông V1 vay của ông L. Nên căn cứ vào nội dung giấy mượn tiền nêu trên đã thể hiện rõ ông Đ là người trực tiếp mượn nợ ông L và do bà V2 là vợ ông Đ có lời thừa nhận nợ ông L tiền vay và đồng ý trả số tiền nợ nên có trách nhiệm liên đới cùng ông Đ trả cho ông L số tiền nợ này.

Từ đó cho thấy, bà H không trực tiếp nhận tiền, không ký tên vào giấy mượn tiền tại thời điểm mượn, bản thân ông L cũng không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh ông Khánh V1 là người trực tiếp mượn tiền, không chứng minh được việc bà H là vợ biết rõ việc ông V1 mượn và sử dụng số tiền mượn vào mục đích sinh hoạt trong gia đình. Nên việc ông L yêu cầu bà H phải thực hiện nghĩa vụ do ông Khánh V1 để lại là trả nợ cho ông L là không có căn cứ và yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông L số tiền nợ này là không phù hợp. Đối với ông Đ có lời khai nại đứng ra lập biên nhận chỉ nhằm mục đích vay tiền dùm ông V1 tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nên lời khai nại này của ông Đ là không có căn cứ để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông Đ, bà V2 liên đới trả cho ông L số tiền vay 500.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Khánh V1 và liên đới cùng ông Đ, bà V2 trả nợ cho ông L là có căn cứ.

Tại phiên toà phúc thẩm ông L, ông Đ, bà V2 cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, kháng cáo của ông L, ông Đ, bà V2 là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, ông Đ, bà V2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2025/DS-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông L, ông Đ, bà V2 không được chấp nhận nên ông L, ông Đ, bà V2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông Đ, bà V2 được miễn nộp do là người cao tuổi.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 288, 357, 463, 466 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

Buộc ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền vay (theo giấy mượn tiền ngày 03/4/2020) là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Khánh V1 và liên đới cùng ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V trả tiền nợ vay cho ông Nguyễn Văn L.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền 12.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003292, ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đồng Tháp)

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0002376 ngày 12/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Thọ